TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số 742/2024/HS-PT
Ngày 16/9/2024

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Ong Thân Thắng;

Các Thẩm phán: Ông Phạm Việt Hà;

Ông Nguyễn Mạnh Tiến.

Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà Đinh Ngọc Huyền, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội tham gia phiên tòa: Ông Vũ Văn Biểu - Kiểm sát viên cao cấp.

Ngày 16 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội mở phiên tòa xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 1561/2023/TLPT-HS ngày 20 tháng 12 năm 2023 đối với bị cáo Nguyễn Thị T phạm tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản", do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 121/2023/HS-ST ngày 22 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Ninh.

**** Bị cáo có kháng cáo:***

Họ và tên: Nguyễn Thị T, sinh năm 1990; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: số B đường X, khu Thị Chung, thành phố B, tỉnh Bắc Ninh; chỗ ở hiện tại: thôn C, xã D, huyện Y, tỉnh Bắc Ninh; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Duy D và bà Nguyễn Thị H; có chồng là Đặng Văn V (đã ly hôn năm 2018); có 06 con, con lớn nhất sinh năm 2010, 2 con nhỏ nhất sinh năm 2024 (sinh đôi); tiền án, tiền sự: Không; bị cáo đang bị áp dụng biện pháp Cấm đi khỏi nơi cư trú; hiện tại ngoại; Có mặt.

**** Người bào chữa cho bị cáo:***

1. Luật sư Nguyễn Hoài N - Công ty L4, Đoàn luật sư thành phố H. Địa chỉ: Tầng E, Tòa nhà S, khu đô thị M, quận H, thành phố Hà Nội. Có mặt.

2. Luật sư Chu Quỳnh V1 và luật sư Đặng Văn K - Công ty L5, Đoàn luật sư thành phố H; Địa chỉ: Tầng A, Tòa CT13B, Khu đô thị C, đường V, phường

P, quận T, thành phố Hà Nội. Luật sư V1 có mặt, luật sư K vắng mặt.

**** Người bị hại không kháng cáo được triệu tập:***

1. Chị Nguyễn Thị L, sinh năm 1993; vắng mặt.

2. Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1991; vắng mặt.

Cùng trú tại: thôn M, xã L, huyện Y, tỉnh Bắc Ninh;

3. Chị Nguyễn Thị Phương H1, sinh năm 1989; trú tại: P, tòa N, chung cư C, phường V, thành phố B, tỉnh Bắc Ninh; vắng mặt.

4. Anh Trương Sơn H2, sinh năm 1989; trú tại: số I đường B, khu phố Đ, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn; vắng mặt.

5. Anh Đặng Việt T1, sinh năm 1978; trú tại: số B, ngách I đường T, phường T, quận L, thành phố Hà Nội; vắng mặt.

**** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không kháng cáo được triệu tập:*** Chị Phạm Thị T2, sinh năm 1991; trú tại: số E N, phường T, thành phố B, tỉnh Bắc Ninh; vắng mặt.

**** Người làm chứng:***

1. Anh Nguyễn Văn N1, sinh năm 1991; trú tại: thị trấn T, huyện T, tỉnh Hải Dương; vắng mặt.

2. Anh Nguyễn Tiến Q, sinh năm 1975; trú tại: thôn P, thị trấn G, huyện G, tỉnh Bắc Ninh; vắng mặt.

3. Anh Chu Minh Đ, sinh năm 1989; trú tại: số B, ngõ A, đường B, phường Đ, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn; vắng mặt.

4. Anh Trần Văn Q1, sinh năm 1984; trú tại: Tổ I, phường C, quận N, thành phố Hà Nội; vắng mặt.

5. Chị Trần Thu H3, sinh năm 1982; trú tại: số B, ngách I đường T, phường T, quận L, thành phố Hà Nội. vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 26/12/2021 và ngày 30/12/2021, Cơ quan CSĐT Công an tỉnh B tiếp nhận đơn tố giác của anh Đặng Việt T1, anh Trương Sơn H2, chị Nguyễn Thị H, chị Nguyễn Thị L, chị Nguyễn Thị Phương H1 tố giác Nguyễn Thị T có hành vi lừa đảo chiếm đoạt số tiền của các anh chị này thông qua việc góp tiền mua nhôm thỏi, góp vốn mua nho khô và rượu XO; góp vốn buôn pháo hoa.

Hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản của Nguyễn Thị T cụ thể như sau:

1. Hành vi Lừa đảo chiếm đoạt tài sản của chị Nguyễn Thị L và chị Nguyễn Thị H:

Khoảng tháng 5/2021, thông qua việc buôn bán hoa quả tươi cùng Nguyễn Thị T nên chị Nguyễn Thị H và chị Nguyễn Thị L có quen biết T. Quá trình buôn bán mặt hàng này cùng T, T đều thanh toán tiền đúng hẹn cho chị H và chị L.

Sáng ngày 12/12/2021, tại cửa hàng bán trà sữa của chị H ở địa chỉ: thôn M, xã L, huyện Y, tỉnh Bắc Ninh, T nói với chị H và chị L về việc có mặt hàng nho khô và rượu XO trên cửa khẩu L6 không xuất khẩu được nên phải quay đầu có thể mua được với giá rẻ, nho khô giá 180.000.000đồng/1cont, còn rượu XO là 270.000.000đồng/1cont và T có mối bán được hàng luôn, tuy nhiên T chỉ có 65.000.000 đồng không đủ tiền để mua hàng. T nói nếu chị H, chị L đồng ý góp vốn mua nho khô và rượu XO, lợi nhuận thu được sẽ chia đều cho 03 người. Khoảng 11h ngày 12/12/2021, T sử dụng số điện thoại 0774.567.555 gọi vào số 0988.507.112 của chị L nói: Chủ hàng có 03 container nho khô và không bán lẻ, mua cả thì sẽ bớt cho 20.000.000đồng/cont (tức là còn 160.000.000đồng/cont, tổng trị giá của 03 cont nho khô là 480.000.000 đồng và đã có bà V2 là người có xưởng nông sản ở K, Khu công nghiệp H, thành phố M, tỉnh Quảng Ninh sẽ mua lại luôn 03 cont nho khô này vào ngày 14/12/2021 với giá 1.080.000.000 đồng, còn em trai ruột của bà V2 sẽ mua lại 01 cont rượu XO trên với giá 1.020.000.000 đồng nhưng sẽ mua sau. T cũng sử dụng số điện thoại trên để nhắn tin vào số điện thoại 0869.938.727 của chị H với nội dung tương tự như đã nói với chị L. Chị H, chị L bàn nhau và đồng ý chuyển tiền cho T góp vốn mua số hàng trên. Ngày 13/12/2021, chị H và chị L đã 07 lần chuyển khoản vào tài khoản Ngân hàng MB số 0300128868888 của T tổng cộng 695.000.000 đồng để góp tiền mua nho khô và rượu XO, trong đó chị H chuyển khoản cho T 100 triệu đồng và chị L chuyển khoản cho T 595 triệu đồng.

Sau khi nhận được số tiền trên, T hẹn sáng ngày 14/12/2021 sẽ cùng chị H và chị L đi M, Quảng Ninh để giao dịch và nhận tiền chuyển khoản từ việc bán 03 container nho khô cho bà V2. T nhắn tin cho chị L số điện thoại 0393372190 nói là số của bà V2 để chị L liên lạc. T dùng tài khoản zalo "Jelly" được đăng ký bằng SĐT 0774567555 gửi hình ảnh chụp từ zalo B nhắn tin cho T và nói với chị H zalo B là của bà V2. Sau đó, chị H và chị L gọi điện vào số 0393372190 và zalo B nhưng đều không liên lạc được. Trên đường đi đến M - Quảng Ninh, chị L nhận được tin nhắn M từ tài khoản facebook N nhắn đến tài khoản facebook Mạnh Quỳnh của chị L với nội dung: Bà V2 sẽ chuyển khoản 70 triệu cho chị L để đặt cọc mua 03 container nho khô. Một lúc sau, tài khoản ngân hàng T8 của chị L nhận được 70.000.000 đồng từ tài khoản ngân hàng S1 không hiển thị số tài khoản với nội dung "Van MC coc 03 xe nho". Chị L và chị H hỏi biển số của 03 xe container này nhưng T nói chủ hàng chưa ngủ dậy nên không hỏi được biển số xe. Đến 18h05' ngày 14/12/2021, T gửi tin nhắn messenger cho chị L hình ảnh chứng từ chuyển tiền thành công đến tài khoản T8 của chị L số tiền 01 tỷ đồng và nói bà V2 xin 10 triệu. Ngày 15/12/2021, chị L không thấy tài khoản của mình có số tiền

01 tỷ đồng nêu trên nên gọi T thì T nói: Bà V2 đã chuyển cho chị L từ tài khoản ngân hàng S2 có tên "HO HOA DAN THANH". Chị L, chị H đợi ở M đến ngày 16/12/2021 thì chị H nhận được hình ảnh tin nhắn của T với nội dung cuộc nói chuyện giữa T và bà V2 qua zalo, bà V2 hủy giao dịch mua 03 container nho khô, T nhắn sẽ bán 03 container nho khô cho một khách hàng của T ở trong miền N, 21h cùng ngày người này sẽ chuyển tiền cọc cho chị H và chị L 300.000.000 đồng và T gửi hình ảnh cuộc nói chuyện giữa T với zalo có tên Tiên T3 qua zalo cho chị H. Tuy nhiên sau đó chị H và chị L không thấy người này chuyển tiền. Trong ngày 16/12/2021 và 17/12/2021, tài khoản ngân hàng M1 của chị L nhận được tổng số 92.000.000 đồng từ tài khoản ngân hàng M1 của T (qua 08 lần chuyển khoản).

Tổng số tiền chị H và chị L chuyển khoản cho T để góp vốn mua nho khô và rượu XO là 695.000.000 đồng, sau đó tài khoản của chị L nhận được 182.000.000 đồng (T trực tiếp chuyển 112 triệu đồng và 70 triệu đồng T nói với chị L là tiền bà V2 đặt cọc mua nho khô), trong đó có 162.000.000 đồng trả trước khi chị H và chị L có đơn tố giác gửi Cơ quan điều tra. Hiện nay, số tiền 513.000.000 đồng còn lại T chiếm đoạt, không trả cho chị H và chị L.

Sao kê tài khoản số 1903725568599019 của chị L mở tại Ngân hàng T9 xác định: Không có khoản tiền 01 tỷ nào được chuyển vào tài khoản này của chị như nội dung tin nhắn bằng hình ảnh mà T gửi đến và nói với chị L là tiền bà V2 chuyển khoản mua nho.

Xác minh về tài khoản số 0601911392348 xác định: Chủ tài khoản là Hồ Hòa Đan T4, HKTT: H - Đ - C - An Giang. Sao kê tài khoản này xác định không có khoản tiền nào chuyển đến tài khoản của chị H.

Tiến hành xác minh về tài khoản ngân hàng mang tên Nguyễn Thị T xác định: T sử dụng 05 tài khoản ngân hàng gồm số 030012868888 mở tại Ngân hàng M1; số 8888899328 mở tại Ngân hàng A; số 0351001065555 mở tại Ngân hàng V3; số 1008556720 mở tại Ngân hàng S3 và số 060224266785 mở tại Ngân hàng S1.

Tiến hành sao kê các tài khoản này xác định: Sau khi nhận số tiền 695.000.000 đồng do chị L và chị H chuyển khoản đến tài khoản MB số 030012868888 của T, T đã chuyển khoản đến nhiều tài khoản khác nhau, trong đó có các khoản tiền được chuyển vào các ngân hàng khác của T gồm 55.130.000 đồng được chuyển vào tài khoản 0351001065555 mở tại Ngân hàng V3; 50.000.000 đồng được chuyển vào tài khoản 1008556720 mở tại Ngân hàng S3; 49.751.275đ được chuyển vào tài khoản 8888899328 mở tại Ngân hàng A; 70.050.000 đồng được chuyển vào tài khoản 060224266785 mở tại Ngân hàng S1. Số còn lại được chuyển đến nhiều tài khoản của người khác nhưng nội dung chuyển không có khoản tiền nào có nội dung liên quan đến việc mua nho và rượu

mà nội dung là "coc lo tui", "ck het no tui", "ck tien nha", "Tham ck tien luong co Hue", "Be an ck", "Me thoc ck", "ck sau rieng", "Be an ck dua hau", "Be an ck tien mit"... Các tài khoản này nhận được 170.200.000 đồng với các nội dung thanh toán trên.

Tiếp tục sao kê tài khoản 060224266785 của T mở tại Ngân hàng S1 xác định: Sau khi tài khoản này nhận 70.050.000 đồng từ tài khoản MB của T chuyển đến, T đã sử dụng ví điện tử đăng ký bằng số điện thoại 0774.567.555 liên kết với tài khoản Ngân hàng S1 của T chuyển 70.000.000 đồng đến số tài khoản 19037256859019 Ngân hàng T8 của chị L (như chị L trình bày đây là tiền T nói bà V2 đặt cọc tiền mua nho).

Tiến hành làm việc với 11 chủ tài khoản được T chuyển tiền vào tài khoản của họ (không có nội dung chuyển tiền) với tổng số tiền 66.990.000 đồng xác định: T sử dụng số điện thoại 0774567555, zalo của T có tên "Jelly"; Facebook của T có tên "Nguyen An" sau đổi thành "ThocBee Nguyễn". Toàn bộ số tiền này là tiền T nợ họ từ trước (là tiền vay hoặc tiền mua hàng).

Ngoài ra T còn chuyển khoản vào tài khoản số 6866199266666 của Phạm Thị T2, sinh năm 1991, HKTT: số E N, phường T, thành phố B số tiền 100.000.000 đồng với nội dung "Ck tien coc nha". Sao kê tài khoản này của T2 xác định T2 không chuyển khoản lại cho T mà chuyển khoản đến các tài khoản khác, trong đó có 50 triệu tiền đặt cọc mua xe.

Quá trình điều tra, Cơ quan điều tra đã thu được toàn bộ nội dung tin nhắn giữa T với chị L và chị H. Các nội dung tin nhắn liên quan đến số tiền 695 triệu mà chị H, chị L chuyển cho T đều thể hiện việc chị L, chị H góp tiền mua nho khô, rượu XO với T và các hình ảnh chị L, chị H chuyển tiền cho T, hình ảnh T gửi cho chị H, chị L về rượu và nho khô.

Tại Cơ quan điều tra, ban đầu T trình bày: Số tiền 695 triệu đồng mà chị H và chị L chuyển cho T là tiền hai chị góp vốn mua nho khô và rượu XO của bà V2 ở M - Quảng Ninh. Do trước đó, T đã vay tiền của người nhà đặt cọc tiền mua nho khô và rượu XO của bà V2 nên sau khi nhận được tiền của chị H và chị L, T đã sử dụng chi tiêu cá nhân hết. Ngày 14/12/2021, khi T đang mua nho và rượu của bà V2 thì chị L và chị H đòi tiền nên bà V2 có chuyển khoản cho chị L 70.000.000 đồng, bà V2 đã gửi hình ảnh bà V2 chuyển tiền thành công cho chị L. Đến tối cùng ngày, bà V2 lại chuyển qua Wechat hình ảnh chuyển tiền thành công 01 tỷ đồng vào tài khoản của chị L. T có bảo chị L kiểm tra tài khoản nhưng tài khoản của chị L không nhận được tiền. Khoảng 3 ngày sau, bà V2 nói không bán nho, rượu cho T nữa nên T không có nho, rượu chuyển cho chị L và chị H, số tiền đã nhận của chị L và chị H, T sẽ trả lại. Tính đến ngày 25/02/2022, T đã chuyển trả lại cho chị L và chị H 182.000.000 đồng. Tuy nhiên, sau đó T khai toàn bộ số tiền 695 triệu đồng mà chị L, chị H chuyển cho là tiền T vay của chị L và chị H,

không liên quan gì đến mua nho khô và rượu XO, tuy nhiên T không có tài liệu gì chứng minh số tiền này là tiền T vay của chị H và chị L.

2. Hành vi Lừa đảo chiếm đoạt tài sản của chị Nguyễn Thị Phương H1:

Chị Nguyễn Thị Phương H1 quen biết với T thông qua việc chồng chị H1 đặt T 670 giỏ quà tết cho Công ty vào đầu tháng 01/2022. Chị H1 sử dụng số điện thoại 0974.155.006 để lập tài khoản Zalo là "Phương Hoa", T sử dụng số điện thoại 077.4567.555 để lập tài khoản Zalo "Phongđăngchi". Sau đó, thỉnh thoảng T và chị H1 có nhắn tin cho nhau qua ứng dụng zalo. Ngày 17/01/2022, T hỏi vay chị H1 số tiền 70.000.000 đồng để nhập hạt về bán tết, chị H1 đồng ý và sử dụng tài khoản Ngân hàng M1 chuyển 70.000.000 đồng đến tài khoản Ngân hàng MB số 0300128868888 của T. Ngày 18/01/2022, T nhắn tin rủ chị H1 chung vốn mua 50 thùng pháo hoa để bán với tổng số tiền là 700.000.000 đồng. T nói với chị H1, T nhập 14 triệu/1 thùng, về bán được 16 triệu/1 thùng mỗi thùng được lãi 2.000.000 đồng (mỗi người được 1.000.000 đồng) và nói với chị H1 có bao nhiêu góp từng đấy, hẹn chậm nhất đến ngày 28 tết (tức ngày 30/01/2022) sẽ bán được hàng thu hồi vốn về. Theo thỏa thuận giữa hai bên, số tiền 70.000.000 đồng chị H1 chuyển cho T ngày 17/01/2022 được chuyển thành tiền góp vốn mua pháo hoa. Ngày 18/01/2022, chị H1 chuyển cho T 02 lần tiền, lần 1: 100.000.000 đồng với nội dung "*C Hoa ck gop von lan 2 100tr*" (tức là chị H1 chuyển khoản góp vốn lần 2: 100 triệu), lần 2: 110.000.000 đồng với nội dung "*C Hoa gop von lan 3 tong 280 trieu*" (tức là chị H1 chuyển khoản góp vốn lần 3, tổng là 280 triệu). Ngày 19/01/2022, chị H1 sử dụng tài khoản Ngân hàng M1 chuyển vào tài khoản Ngân hàng M1 nêu trên của T 02 lần tiền, lần 1: 110.000.000 đồng với nội dung "*C Hoa ck gop von lan 4 tong 390 trieu*" (tức là chị H1 chuyển khoản góp vốn lần 4 tổng 390 triệu), lần 2: 60.000.000 đồng với nội dung "*C Hoa gop von lan 5 tong du 450 trieu*" (tức là chị H1 góp vốn lần 5 tổng đủ 450 triệu). Quá trình nhận tiền của chị H1, T viết cho chị H1 01 giấy góp vốn giao cho chị H1 với nội dung: *Ngày 18/01/2022, chị H1 góp vốn cho T 450.000.000 đồng và hẹn trong vòng 01 tháng sẽ hoàn lại vốn gốc và phần trắm lợi nhuận* (trên giấy có chữ ký của T và chữ ký của Nguyễn Văn N1, sinh năm 1991, HKTT: thị trấn T, huyện T, tỉnh Hải Dương là người yêu đang sống chung với T). Tuy nhiên, toàn bộ số tiền 450.000.000 đồng nhận được của chị H1, T đã sử dụng trả nợ, mua các loại mặt hàng khác mà không sử dụng đặt mua pháo hoa như đã nói với chị H1.

Đến hẹn thanh toán, không thấy T trả tiền như đã thỏa thuận, chị H1 liên tục gọi điện đòi tiền T. Ngày 22/02/2022 và ngày 23/02/2022, T 02 lần chuyển tiền vào khoản 8898988988888 của chị H1 (lần 1: 100.000.000 đồng, lần 2: 150.000.000 đồng). Số tiền 200.000.000 đồng còn lại đến nay T vẫn chưa trả cho chị H1. Cơ quan điều tra đã tiến hành làm việc với 21 người được T chuyển khoản đến sau khi nhận số tiền 450.000.000 đồng của chị H1, cả 21 người này đều xác

định số tiền T chuyển khoản đến là tiền T trả nợ hoặc mua mặt hàng khác, không có khoản tiền nào đặt mua pháo hoa như T nói với chị H1.

* Về tài liệu thu giữ: Chị H1 đã giao nộp 01 giấy góp vốn ngày 18/01/2022 (ký hiệu A).

* Tại Kết luận giám định số 530/KLGĐTL-PC09 ngày 27/4/2022 của Phòng K1 Công an tỉnh B kết luận:

- Toàn bộ chữ ký, chữ viết (trừ phần chữ ký, chữ viết bên dưới dòng chữ "Nơi cấp: Cục QL xuất nhập cảnh") trên tài liệu cần giám định (ký hiệu A) so với chữ ký, chữ viết của Nguyễn Thị T trên các tài liệu mẫu so sánh do cùng một người ký, viết ra.

- Chữ ký, chữ viết đứng tên "Nguyễn Văn N1" bên dưới dòng chữ "Nơi cấp: Cục QL xuất nhập cảnh" trên tài liệu cần giám định (ký hiệu A) so với chữ ký, chữ viết của Nguyễn Văn N1 trên tài liệu mẫu so sánh do cùng một người ký, viết ra.

Tại Cơ quan điều tra, T thừa nhận có nhận 450.000.000 đồng của chị H1 nhưng đây là tiền chị H1 cho T vay nhưng hai bên phải nhắn tin cho nhau là góp tiền mua pháo hoa vì chồng chị H1 không thích cho người khác vay tiền. Nội dung trên giấy góp vốn ngày 18/01/2022 là do T viết, ngoài ra T còn viết cả giấy vay tiền giao cho chị H1. T đã trả cho chị H1 250.000.000 đồng. Tuy nhiên, hiện nay T không có tài liệu gì chứng minh số tiền 450 triệu trên là tiền T vay chị H1. Cơ quan điều tra đã tiến hành đối chất giữa chị H1 và T nhưng hai bên vẫn giữ nguyên quan điểm như đã trình bày ở trên.

3. Hành vi Lừa đảo chiếm đoạt tiền của anh Trương Sơn H2:

Ngày 29/6/2021, T thành lập và làm Giám đốc Công ty TNHH N3 có địa chỉ tại đường A, khu K, phường V, thành phố B, tỉnh Bắc Ninh với nhiều ngành nghề kinh doanh, trong đó có bán buôn kim loại, quặng kim loại, bán buôn thực phẩm, bán buôn tổng hợp.

Anh Trương Sơn H2 là Giám đốc Công ty TNHH T10, chuyên mua nhôm thỏi rồi bán cho người Trung Quốc. Anh H2 sử dụng số điện thoại 0983.282.155, đăng ký tài khoản Zalo "H". Tháng 6/2021, thông qua nhóm "Chợ nhôm nguyên liệu Việt Nam" trên mạng xã hội Facebook, anh H2 thấy trên tài khoản Facebook "Nguyên An" của Nguyễn Thị T có đăng quảng cáo "Có hàng nhôm thỏi cần bán với sô lượng 65.000kg" nên có liên lạc với số điện thoại 0901.045.666 của Nguyễn Văn N1 thì được N1 nói với anh H2 liên hệ với T qua số điện thoại 0822.259.888 để thỏa thuận việc mua nhôm thỏi. Sau khi gọi điện cho T, anh H2 và T kết bạn zalo với nhau bằng zalo đăng ký bằng số điện thoại anh H2 gọi điện cho T. Sau khi thỏa thuận anh H2 đồng ý mua 65 tấn nhôm thỏi với tỷ lệ nhôm đạt 96% của T với giá là 47.000 đồng/1 kg, (thành tiền là 3.055.000.000 đồng). Anh H2 đặt cọc trước 20% (tương đương với số tiền là 611.000.000 đồng). Ngày 24/6/2021,

anh H2 s Hợp đồng mua bán số 04/2021/HĐMB với nội dung: *T bán cho anh H2 65 tấn nhôm thành phẩm (AL 96%), với giá tiền 48.500đ/kg, thành tiền là 3.152.500.000 đồng, đặt cọc là 20% giá trị đơn hàng, tương đương với số tiền là 630.500.000, thời hạn giao hàng từ 7 đến 9 ngày sau khi T nhận tiền cọc*, rồi gửi file mềm qua Z cho T để T ký và gửi lên cho anh H2. Trong hợp đồng anh H2 ghi giá 48.500đ/1 kg (chưa bao gồm VAT), vì đây là giá anh H2 bán cho người Trung Quốc, nếu người Trung Quốc muốn xem Hợp đồng thì anh H2 sẽ cho xem. Do là lần đầu anh H2 mua nhôm của T nên anh H2 nhờ anh Nguyễn Tiến Q sinh năm 1975, HKTT: thôn P, thị trấn G, huyện G, tỉnh Bắc Ninh (là anh họ của anh H2) đến gặp T để T dẫn đi thăm kho hàng và lò sản xuất nhôm thỏi.

Ngày 24/6/2021, anh Q gặp T tại khu công nghiệp Y và được T đã dẫn đến 01 xưởng sản xuất nhôm ở xã V, huyện Y (theo lời khai của T đó là nhà chị Đ1, sinh năm 1989, ở thôn M, xã V, huyện Y) để xem xưởng sản xuất nhôm. Sau đó, anh Q thông báo lại cho anh H2 biết về việc được T dẫn đi thăm kho, lò sản xuất nhôm thỏi. Tin tưởng T, trong ngày 24/6/2021, anh H2 và T đã ký Hợp đồng mua bán số 04/2021/HĐMB nêu trên (T đã ký và gửi xe khách lên cho anh H2) và thỏa thuận anh H2 chuyển 630.500.000 đồng tiền cọc theo đúng hợp đồng, T chuyển lại cho anh H2 19.500.000 đồng tiền chênh lệch giá hợp đồng và tiền thực tế cần đặt cọc là 611.000.000 đồng. Cùng ngày, anh Chu Minh Đ sinh năm 1989, HKTT: số B, ngõ A, đường B, phường Đ, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn (là nhân viên của anh H2), chuyển 630.500.000 đồng từ tài khoản Ngân hàng S1 số 030039749889 của anh Đ vào tài khoản Ngân hàng M2 số 6336699699999 của T để anh H2 đặt cọc mua nhôm thỏi. Sau đó, anh H2 với T thống nhất giao hàng vào ngày 28/6/2021. Anh H2 bảo T chuyển lại 19.500.000 đồng nhưng T báo sẽ chuyển lại sau.

Ngày 25/6/2021, T nói với anh H2 về việc T gom được 65 tấn nhôm "đánh tháo" với giá 46.000 đồng/1 kg và rủ anh H2 cùng đặt cọc để lấy lô hàng này. Anh H2 đồng ý. Ngày 26/6/2021, anh Đ chuyển 100.000.000 đồng vào tài khoản của T theo yêu cầu của anh H2 và hai bên thống nhất là anh H2 sẽ bốc tổng 130 tấn nhôm vào ngày 28/6/2021.

Tổng số tiền anh H2 chuyển cho T là 730.500.000 đồng để đặt cọc mua tổng số 130 tấn nhôm thỏi từ T. Đến ngày 28/6/2021, T không giao nhôm cho anh H2. Khoảng 18 giờ ngày 28/6/2021, T bảo với anh H2 là T cãi nhau với xưởng nhôm nên không có nhôm giao cho anh H2. Đến 16 giờ 34 phút, ngày 29/6/2021, T nhắn tin qua Zalo cho anh H2 với nội dung: *A S ơi. Lời đầu tiên cho e dc xin lỗi anh đã làm ảnh hưởng tới anh. E xin phép anh được huỷ đơn này và nếu có thể cho e xin được phép chi trả tiền gọi công hôm qua. Và a cho e xin thời gian 3-4 ngày tìm xưởng khác làm cho em. E xin phép trong ngày hnay được gửi lại a tiền cọc. Hôm qua vì nóng giận và sợ mất uy tín e đã nặng lời với chỗ xưởng đã cọc. Họ đã phật ý và quyết định ko bán cho em nữa. Họ hẹn sáng nay sẽ hoàn trả lại*

hết cọc và có trả giá cao hơn cũng sẽ ko bán cho em. Tối qua e và ông xã đã có chút hiểu lầm và dẫn đến việc với xưởng càng căng thẳng hơn, E thật sự xin lỗi. Và mong muốn dc a thông cảm và cho e thời gian vài ngày e liên hệ xưởng khác làm hàng. E xin gửi lại cọc cho a trong hôm nay. E ko có ý gì đâu ạ. Chỉ mong chân thành nhận lại dc thông cảm". Tuy nhiên, từ đó đến nay, T không trả lại tiền cho anh H2. Toàn bộ số tiền nhận được của anh H2, T đã chuyển đi nhiều tài khoản khác nhau để sử dụng chi tiêu cá nhân, không đặt cọc tại bất kỳ xưởng nhôm nào để mua nhôm thỏi bán cho anh H2.

Cơ quan điều tra đã thu giữ được nội dung các tin nhắn zalo giữa anh H2 với T trên chiếc điện thoại Iphone 11 thu giữ của T. Nội dung các tin nhắn đều thể hiện việc anh H2 thoả thuận đặt cọc mua nhôm thỏi của T.

Kết quả sao kê tài khoản của T xác định: Sau khi nhận tiền của anh H2, T đã chuyển đến nhiều tài khoản khác nhau mục đích cá nhân, không có khoản tiền nào đặt mua nhôm thỏi như đã nói với anh H2.

Ngày 28/3/2023, Cơ quan điều tra tiến hành xác minh tại Công an xã V, huyện Y, tỉnh Bắc Ninh về người có tên Đ1 theo lời khai của T xác định: Tại địa bàn xã V chưa xác định được người có tên Đ1 như lời khai của T.

Tại Cơ quan điều tra, T thừa nhận có nhận 730.500.000 đồng của anh H2 đặt cọc mua nhôm thỏi. Đến ngày giao hàng, chị Đ1 đã bán mất hàng nên T không có hàng giao cho anh H2 đúng hẹn. Anh H2 là người chủ động hủy đơn hàng với T. T thừa nhận có nhắn tin với nội dung hủy đơn hàng như lời khai của anh H2 và nội dung tin nhắn Cơ quan điều tra thu giữ nhưng nội dung này là do anh H2 bảo T nhắn vì tiền đặt cọc nhôm là của người bên Trung Quốc, nếu không có hàng thì họ sẽ phạt anh H2, tuy nhiên T không có tài liệu gì chứng minh.

4. Hành vi Lừa đảo chiếm đoạt tài sản của anh Đặng Việt T1:

Anh Đặng Việt T1 là nhân viên Công ty cổ phần C1 do anh Trần Văn Q1, sinh năm 1984, HKTT: Tổ I, phường C, quận N, thành phố Hà Nội là Giám đốc, chuyên kinh doanh trong lĩnh vực xuất nhập khẩu. Cuối tháng 5/2021, thông qua mạng xã hội zalo, anh T1 và T kết bạn với nhau, khi đó anh T1 sử dụng số điện thoại 0913.59.1676, đăng ký tài khoản zalo là "Tuấn Đặng", T sử dụng số điện thoại số điện thoại 0822.259.888 và 077.4567.555, đăng ký tài khoản zalo "Jelly". Qua trao đổi, T tự giới thiệu là đầu mối chuyên thu gom nhôm tại xã V, huyện Y, tỉnh Bắc Ninh rồi bán lại. Do có nhu cầu mua nhôm thỏi xuất khẩu sang Trung Quốc nên khoảng cuối tháng 6/2021, anh T1 đến nhà T ở địa chỉ: Đường A, khu K, phường V, thành phố B để trao đổi, giao dịch mua, bán nhôm thỏi. Khi đó, T nói có khả năng cung cấp nhôm thỏi với số lượng lớn và đưa cho anh T1 một thanh nhôm thỏi được cắt làm đôi để kiểm tra chất lượng hàng. Sau khi kiểm tra, thấy nhôm đạt chất lượng nên anh T1 rủ anh Trần Văn Q1 cùng mua nhôm của T. Anh Q1 đồng ý. Ngày 02/8/2021, anh T1 soạn Hợp đồng mua bán số

0208/2021/HĐMB/AG-NBNA giữa: Bên mua là Công ty cổ phần C1 do anh Q1 là đại diện, Bên bán là Công ty TNHH N3 do T là giám đốc và là người đại diện với nội dung: *Công ty N3 bán cho Công ty CP C1 quốc tế 500 tấn nhôm thành phẩm (Al 96%), mỗi thanh 9kg, dài 60cm, rộng 10cm, đơn giá 45.500.000 đồng/tấn với tổng giá trị tiền hàng là 22.750.000.000 đồng, thời gian giao nhận hàng là 30 ngày, kể từ ngày ký hợp đồng đặt cọc, giao hàng tại kho Bắc Ninh, đặt cọc 200.000.000 đồng và sẽ thanh toán 100% giá trị hàng của từng lần giao tại kho Bắc Ninh sau khi kiểm tra hàng đúng chất lượng giám định*. Sau đó, anh T1 gửi Hợp đồng qua zalo cho T đồng thời bảo T in Hợp đồng ra ký, đóng dấu rồi chuyển lại bản gốc cho anh T1. Sau khi nhận bản hợp đồng trên, T in ra ký, đóng dấu vào Hợp đồng rồi chụp ảnh gửi qua zalo cho anh T1 (bản gốc T không gửi cho anh T1 như thỏa thuận). Từ ngày 06/8/2021 đến 11/8/2021, theo thỏa thuận anh T1 đã nhờ anh Q1 và chị Trần Thu H3, sinh năm 1982 (là vợ anh T1) chuyển tổng số 190.000.000 đồng đến tài khoản Ngân hàng M3 số 9927690999999 đứng tên Công ty TNHH N3 của T và tài khoản Ngân hàng V4 số 0351001065555 mang tên T cùng với nội dung chuyển tiền "*Công ty A1 đặt cọc mua nhôm*" để đặt cọc mua 30 tấn nhôm thỏi đầu tiên của T.

Sau khi nhận 190.000.000 đồng tiền đặt cọc, T hẹn anh T1 đến ngày 14/8/2021 sẽ giao 30 tấn hàng nhôm thỏi. Ngày 13/8/2021, T liên hệ qua zalo nói có 08 container hàng lon bơ có trọng lượng từ 20 tấn/1cont đến 40 tấn/1cont đang ở xã V, huyện Y và gửi ảnh container lon bơ cho anh T1 xem đồng thời rủ anh T1 góp chung 100.000.000 đồng để mua 08 container lon bơ này chuyển cho xưởng, đổi lấy hàng nhôm thỏi thành phẩm cung cấp cho anh T1 kịp tiến độ. Anh T5 đồng ý. Tối ngày 13/8/2021, anh T5 nhờ chị H3 chuyển 100.000.000 đồng vào tài khoản Ngân hàng M2 số 0300128868888 của T với nội dung: "Anh Tuan C *tien coc 8 cont nhom lon phe*".

Ngày 14/8/2021 là ngày T hẹn giao 30 tấn nhôm thỏi cho anh T5 nhưng T lấy lý do bà Nguyễn Thị N2, sinh năm 1981, HKTT: thôn M, xã V, huyện Y không bán nhôm cho T nên T không có nhôm giao cho anh T5. T hẹn anh T5 ngày 16/8/2021 đến Khu công nghiệp Đ nhận 30 tấn hàng, anh T5 đồng ý nhưng T vẫn không thực hiện theo cam kết. Ngày 17/8/2021, T nói với anh T5 về việc sẽ thuê xưởng và mua lon bơ của một người tên là Thảo H4 về để tự sản xuất nhôm thỏi trả hàng cho anh T5 và bảo anh T5 chuyển tiền để T mua lon bơ của Thảo H4 và đặt cọc tiền thuê xưởng. Anh T5 yêu cầu T chụp hình ảnh hàng lon bơ của Thảo H4. T gửi hình ảnh đang xuống hàng lon bơ qua zalo cho anh T5. Tin tưởng T, ngày 19/8/2021, anh T5 chuyển cho T 03 lần tổng số 800.000.000 đồng vào tài khoản Ngân hàng M2 số 0300128868888 với các nội dung: "A*nh T6 ck tien coc 130 tan nhom A_196"*, "*Anh tuan ck dat coc nhom 130 tan lan 2*" và "*Anh tuan ck dat coc 130 tan nhom A196 lan 3*". Ngày 24/8/2021, T nói thiếu tiền để làm giấy phép sản xuất của xưởng và trả tiền mua lon nhôm phế và bảo anh T5 chuyển

thêm cho T 10.000.000 đồng làm giấy phép và chuyển thêm tiền để T mua lon nhôm. Anh T5 đồng ý và tiếp tục chuyển 02 lần với tổng số 90.000.000 đồng vào tài khoản Ngân hàng M2 số 0300128868888 của T với nội dung "*Anh tuan ck tiên giay phep*" và "*Anh tuan ck nhom lon phe*".

Ngày 26/8/2021, T nói là đã sản xuất được hàng để trả cho anh T5 và bảo anh T5 cho xe đến Khu công nghiệp Đ, huyện Y, T sẽ cho người chuyển bằng công nông ra giao cho anh T5 130 tấn nhôm thỏi. Tưởng T nói thật, anh T5 thuê xe đến chỗ hẹn đợi đến 7h40'ngày 27/8/2021 thì T nhắn tin cho anh T5 với nội dung: Xưởng nhà Dũng L1 phải cách ly 21 ngày và T cũng phải đi cách ly 21 ngày, vì sự cố như thế, T và xưởng sẽ chịu phạt vì không giao được hàng cho anh T5 đúng hẹn.

Ngày 11/9/2021, anh T5 đến nhà T ở đường A, khu K, phường V, thành phố B gặp T. Tại đây, T viết giấy "Xác nhận nợ" rồi giao cho anh T5 với nội dung: T nhận 1.200.000.000 đồng (trong đó 1.180.000.000 đồng là tiền anh T5 đặt mua nhôm, còn 20.000.000 đồng là tiền chi phí thuê xe đến nhận hàng) và xin trả lại anh T5 tiền vào ngày 14/9/2021. Ngày 14/9/2021, T cũng không trả tiền mà viết "Giấy hẹn trả nợ", với nội dung: Hẹn anh T5 đến ngày 18/9/2021 sẽ trả tiền. Ngày 29/9/2021, T lại viết giấy "Xác nhận nợ" và hẹn từ 3 đến 7 ngày sẽ trả tiền cho anh T5. Tuy nhiên, cho đến nay T không trả số nhôm thỏi anh T5 đặt mua và cũng không trả tiền cho anh T5 nên anh T5 làm đơn trình báo Cơ quan điều tra. Toàn bộ số tiền 1.180.000.000 đồng nhận được của anh T5, T đã sử dụng mua sắm, chi trả cá nhân hết, không có khoản tiền nào đặt mua nhôm thỏi hoặc đặt mua lon bơ như đã nói với anh T5.

Quá trình điều tra, Cơ quan điều tra đã thu giữ được nội dung tin nhắn zalo giữa anh T5 và T trên chiếc điện thoại Iphone 11 thu giữ của T. Toàn bộ nội dung trao đổi đều thể hiện việc thỏa thuận mua bán nhôm thỏi và góp tiền mua lon bơ về sản xuất nhôm thỏi.

Tại Cơ quan điều tra, T thừa nhận: Trong tháng 8/2021, T có nhận 1.180.000.000 đồng của anh T5 đặt mua nhôm thỏi. Do trước đó T đã đưa cho người tên L1 là người làm cho bà N2 số tiền 1 tỷ đồng đặt cọc mua nhôm của bà N2 nên khi nhận được số tiền 1.180.000.000 đồng của anh T5, T đã sử dụng vào công việc cá nhân, không sử dụng để đặt cọc mua nhôm như đã thỏa thuận với anh T5. Nhưng sau đó bà N2 không giao nhôm nên T không có nhôm trả cho anh T5. Toàn bộ số tiền anh T5 chuyển cho được chuyển thành số tiền anh T5 cho T vay với lãi suất 3.000 đồng/1 triệu/1 ngày. T đã trả cho anh T5 được 100.000.000 đồng bằng tiền mặt và 25 triệu tiền lãi trả vào tài khoản, số còn lại chưa trả. Số tiền 1 tỷ đồng mà T đưa cho L1 đã được L1 trả lại và T đã sử dụng trả nợ và đầu tư kinh doanh hết. Còn nội dung tin nhắn giữa T với anh T5 là không đúng sự thật, đó là do hai bên thống nhất trước khi nhắn tin. Tuy nhiên, T không đưa ra

được bất kỳ căn cứ gì chứng minh cho lời khai trên của mình.

Tiến hành xác minh về xưởng Dũng L1 xác định: Tại thôn B, xã Đ, huyện Y không có nhà xưởng nào tên là Dũng L1. Tiến hành làm việc với bà Nguyễn Thị N2, sinh năm 1981, HKTT: HKTT: thôn M, xã V, huyện Y xác định: Từ trước đến nay bà N2 không bán nhôm cho T và T cũng không hỏi mua nhôm nhà bà N2 bao giờ. Nhà bà N2 không có ai tên là L1 làm tại nhà bà N2.

*** Về trách nhiệm dân sự**: Sau khi những người bị hại nêu trên có đơn tố giác T đến Cơ quan điều tra, T đã thanh toán trả cho chị L1, chị H4 số tiền 20.000.000 đồng, còn chiếm đoạt 513.000.000 đồng. Số tiền còn lại gồm của chị H1 200.000.000 đồng; của anh H2 730.500.000 đồng; của anh T5 1.180.000.000 đồng chưa trả.

* Cùng với 04 đơn tố giác nêu trên, Cơ quan điều tra còn tiếp nhận đơn của anh Bùi Duy H5, chị Trương Thị T7, vợ chồng anh Nguyễn Văn Đ2, chị Nguyễn Thị H6, chị Nguyễn Thị L2, chị Cao Mỹ H7 và chị Nguyễn Thị Bích G tố giác Nguyễn Thị T có hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản thông qua việc mua, bán Kit test Covid 19. Quá trình điều tra đến nay xác định đây là giao dịch dân sự giữa các bên, không có dấu hiệu của tội phạm.

Tại Cáo trạng số 75/CT-VKS-P2 ngày 09/6/2023 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Ninh đã truy tố bị cáo Nguyễn Thị T về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" quy định tại điểm a khoản 4 Điều 174 Bộ luật Hình sự.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 121/2023/HS-ST ngày 22/9/2023, Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Ninh đã quyết định:

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Thị T phạm tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản";

Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 174; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38, Điều 46, Điều 48 Bộ luật hình sự; Điều 584, Điều 585, Điều 589 Bộ luật dân sự, Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH ngày 30/12/2016; xử phạt bị cáo Nguyễn Thị T 15 (Mười lăm) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án.

Về trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo T phải bồi thường cho anh Trương Sơn H2 số tiền 730.500.000 đồng; bồi thường cho anh Đặng Việt T1 số tiền 1.180.000.000 đồng; bồi thường cho chị Nguyễn Thị L và chị Nguyễn Thị H số tiền 513.000.000 đồng; bồi thường cho chị Nguyễn Thị Phương H1 số tiền 200.000.000 đồng.

Ngoài ra Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về xử lý vật chứng, án phí và thông báo quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Ngày 05/10/2023, bị cáo Nguyễn Thị T kháng cáo bản án sơ thẩm, bị cáo bị xét xử là oan, không đúng tội danh, đề nghị hủy bản án sơ thẩm để điều tra lại.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Bị cáo Nguyễn Thị T giữ nguyên nội dung kháng cáo.

Bị cáo giữ nguyên các lời khai trong quá trình giải quyết sơ thẩm, không thay đổi gì. Bị cáo không mua bán chung vốn mua bán nho khô, rượu XO, pháo hoa với các chị L, H, H1 mà bản chất là vay tiền. Còn giao dịch về việc mua bán nhôm thỏi là giao dịch giữa 2 công ty của các anh H2, anh T1 với Công ty do bị cáo làm Giám đốc. Cơ quan điều tra đã hình sự hóa giao dịch dân sự nêu trên để kết tội bị cáo là không đúng. Năm 2008 bị cáo đã từng đi điều trị bệnh tâm thần tại Bệnh viện tâm thần tỉnh B, bị cáo có cung cấp nhưng khi điều tra cơ quan điều tra không xem xét cho bị cáo. Đề nghị hủy bản án sơ thẩm để điều tra, xét xử lại.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại phiên tòa phát biểu quan điểm:

+ Về tố tụng: Kháng cáo của bị cáo được làm trong thời hạn luật định, hình thức nội dung đơn phù hợp nên được xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

Quá trình giải quyết Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã thực hiện đúng và đầy đủ quy định của pháp luật, những người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng quy định pháp luật tố tụng.

+ Xét kháng cáo của bị cáo thấy: Từ tháng 6/2021 đến tháng 01/2022, tại địa bàn tỉnh Bắc Ninh, Nguyễn Thị T đã nhiều lần đưa ra các thông tin gian dối về việc T có nguồn nhôm thỏi số lượng lớn; có nguồn hàng nho khô và rượu XO giá rẻ và có nguồn hàng pháo hoa để anh Trương Sơn H2, anh Đặng Việt T1, chị Nguyễn Thị L, chị Nguyễn Thị H và chị Nguyễn Thị Phương H1 góp tiền với T mua các nguồn hàng kể trên. Sau khi nhận của anh H2 số tiền 730.500.000 đồng, của anh T1 số tiền 1.180.000.000 đồng, của chị L và chị H tổng số tiền 695.000.000 đồng và của chị H1 số tiền 450.000.000 đồng, T không sử dụng tiền để đặt mua hàng như đã thỏa thuận mà sử dụng trả nợ, chi tiêu cá nhân hết. Do đó Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử bị cáo về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" theo quy định tại điểm a, khoản 4, Điều 174-Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng người đúng tội, không oan sai. Quá trình xét xử phúc thẩm bị cáo không có thêm tình tiết nào mới làm thay đổi bản chất vụ án. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm căn cứ điểm a, khoản 1, Điều 355; Điều 356-Bộ luật Tố tụng hình sự, không chấp nhận kháng cáo của bị cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

+ Về án phí: Bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí phúc thẩm do kháng cáo không được chấp nhận.

- Người bào chữa cho bị cáo trình bày: Đề nghị HĐXX xem xét hủy bản án sơ thẩm để điều tra, xét xử lại vì các căn cứ sau:

+ Năm 2008 bị cáo đã từng đi điều trị bệnh tâm thần tại Bệnh viện sức khỏe tâm thần tỉnh B, nhưng quá trình điều tra, cơ quan điều tra chưa xem xét cho bị

cáo. Cần giám định pháp y tâm thần để xác định năng lực trách nhiệm hình sự, năng lực hành vi dân sự của bị cáo.

+ Chưa xác định rõ giao dịch giữa bị cáo và các chủ hàng; nguồn gốc, số lượng hàng hóa; trách nhiệm của các cá nhân có liên quan như bà V2, anh Đ3, bà N2, ông bà Dũng L1, T, chị Đ1, Công ty N4…trong việc giao dịch góp vốn, mua bán hợp tác đầu tư làm ăn chung.

+ Chưa xác định, làm rõ các giao dịch về việc mua bán nhôm thỏi là giao dịch giữa 2 công ty của các anh H2, anh T1 với Công ty do bị cáo làm Giám đốc.

+ Cơ quan điều tra đã hình sự hóa các giao dịch dân sự nêu trên để kết tội bị cáo là chưa đảm bảo căn cứ pháp lý.

- Bị cáo nhất trí quan điểm của người bào chữa, không tranh luận gì thêm.
- Bị cáo nói lời sau cùng: Bị cáo không biết nói gì.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Hành vi, quyết định tố tụng của cấp sơ thẩm đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự.

[1.2] Đơn kháng cáo của bị cáo được làm nộp trong thời hạn theo quy định tại các Điều 331, 332, 333-Bộ luật Tố tụng hình sự nên xác định hợp lệ và được xem xét theo trình tự phúc thẩm;

[1.3] Về sự vắng mặt của bị cáo, người tham gia tố tụng HĐXX thấy: Tòa án đã triệu tập phiên tòa nhiều lần nhưng những người tham gia tố tụng vẫn vắng mặt; Căn cứ khoản 1, Điều 351- Bộ luật Tố tụng hình sự, HĐXX thấy việc xét xử vắng mặt những người tham gia tố tụng không làm bất lợi cho bị cáo, các đương sự này nên tiếp tục xét xử vụ án theo quy định.

[2] Xét kháng cáo của bị cáo, HĐXX thấy:

[2.1] Về hành vi phạm tội của bị cáo: Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo T không thừa nhận hành vi "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" của mình mà chỉ cho rằng đó là những quan hệ dân sự, bị cáo bị xét xử oan. Căn cứ các tài liệu chứng cứ đã thu thập trong hồ sơ vụ án, diễn biến quá trình tranh tụng tại cấp sơ thẩm thì thấy: việc Nguyễn Thị T đưa ra thông tin có nguồn hàng là nho khô, rượu XO, pháo hoa để chị H, chị L1, chị H1 chuyển tiền góp vốn; đưa thông tin về số nhôm thành phẩm để anh H2, anh T1 chuyển tiền đặt cọc rồi nại ra các lý do để không thực hiện được việc thỏa thuận. Toàn bộ số tiền mà chị L1, H, H1 và anh H2, T1 chuyển cho T, T không hề sử dụng số tiền này để đặt hàng theo thỏa thuận mà đã chuyển vào nhiều tài khoản khác nhau để chi tiêu cho cá nhân. Như vậy có đủ cơ sở kết

luận: Từ tháng 6/2021 đến tháng 01/2022, tại địa bàn tỉnh Bắc Ninh, Nguyễn Thị T đã nhiều lần đưa ra các thông tin gian dối về việc T có nguồn nhôm thỏi số lượng lớn; có nguồn hàng nho khô và rượu XO giá rẻ và có nguồn hàng pháo hoa để anh Trương Sơn H2, anh Đặng Việt T1, chị Nguyễn Thị L, chị Nguyễn Thị H và chị Nguyễn Thị Phương H1 góp tiền với T mua các nguồn hàng kể trên. Sau khi nhận của anh H2 số tiền 730.500.000 đồng, của anh T1 số tiền 1.180.000.000 đồng, của chị L và chị H tổng số tiền 695.000.000 đồng và của chị H1 số tiền 450.000.000 đồng, T không sử dụng tiền để đặt mua hàng như đã thỏa thuận mà sử dụng trả nợ, chi tiêu cá nhân hết. Đến thời điểm những người bị hại có đơn tố giác đối với T, T mới trả cho chị L, chị H số tiền 182.000.000 đồng; trả cho chị H1 250.000.000 đồng. Tổng số tiền T chiếm đoạt của 05 người bị hại đến nay chưa bồi thường là 2.623.000.000 đồng.

Trong quá trình thực hiện hành vi bị cáo là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự. Vì tháng 6/2021 bị cáo đã thành lập doanh nghiệp là Công ty TNHH N3 có địa chỉ tại đường A, khu K, phường V, thành phố B do bị cáo L3 Giám đốc, đại diện theo pháp luật. Khi đăng ký thành lập doanh nghiệp bị cáo đã chứng minh đủ điều kiện năng lực pháp luật, năng lực hành vi dân sự, không bị hạn chế về tâm thần thể chất, nhận thức.

Do đó, hành vi của bị cáo Nguyễn Thị T đã cấu thành tội "Lừa đảo nhằm chiếm đoạt tài sản" theo quy định tại điểm a, khoản 4, Điều 174-Bộ luật hình sự. Cơ quan tố tụng cấp sơ thẩm đã truy tố, xét xử bị cáo về tội danh, điều luật như trên là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật và có căn cứ, không oan sai.

[2.2] Hành vi của bị cáo là đặc biệt nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ, gây mất niềm tin của con người với con người trong mối quan hệ làm ăn kinh tế, ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh trật tự tại địa phương. Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt hình phạt tù đối với bị cáo là tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo để đảm bảo tác dụng giáo dục riêng và phòng ngừa chung.

[2.3] Xét nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo, Hội đồng xét xử thấy: Bị cáo chưa có tiền án tiền. Giai đoạn điều tra còn quanh co chối tội. Tại quá trình xét xử bị cáo không thừa nhận hành vi lừa đảo nên không được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s, khoản 1, Điều 51 Bộ luật hình sự. Bị cáo nhiều lần đưa ra các thông tin gian dối để chiếm đoạt tiền của nhiều người bị hại nên phải chịu tình tiết tăng nặng "Phạm tội 02 lần trở lên" theo điểm g, khoản 1, Điều 52-Bộ luật hình sự.

[2.4] Tại quá trình xét xử phúc thẩm bị cáo không cung cấp được tình tiết nào mới làm thay đổi bản chất vụ án. Bị cáo, người bào chữa cung cấp tài liệu: năm 2008 bị cáo có điều trị tâm thần nên sức khỏe tâm thần không đảm bảo, bị ảnh hưởng đến khả năng nhận thức, năng lực hành vi dân sự, hình sự. Quá trình

điều tra cơ quan tố tụng không làm rõ là không đảm bảo quyền lợi cho bị cáo, vi phạm tố tụng. Đề nghị HĐXX hủy bản án sơ thẩm để điều tra, xét xử lại.

HĐXX thấy quan điểm của các luật sư bào chữa và bị cáo là không có căn cứ chấp nhận, bởi lẽ: Ngày 16/01/2008 bị cáo nhập viện trong tình trạng hoảng sợ, loạn thần cấp do bị trộm vào nhà đè lên người, lấy mất chỉ vàng đeo ở tay. Sau khi điều trị 5 ngày tại Bệnh viện S bị cáo về sinh sống ổn định tại địa phương bình thường, không phải điều trị tâm thần nữa. Bị cáo cũng kết hôn, sau đó ly hôn tại cơ quan có thẩm quyền mà không cần người đại diện. Bị cáo còn thành lập doanh nghiệp và làm Giám đốc đại diện theo pháp luật.

Do đó, Hội đồng xét xử thấy không có căn cứ chấp nhận kháng cáo kêu oan, đề nghị hủy bản án sơ thẩm của bị cáo; Quá trình xét xử phúc thẩm bị cáo có thai và sinh đôi theo phương pháp mổ (sinh non) nên HĐXX thấy cần áp dụng tình tiết giảm nhẹ tại điểm n, khoản 1, Điều 51-Bộ luật Hình sự cho bị cáo để đảm bảo tính nhân đạo, khoan hồng của pháp luật. Trên cơ sở tình tiết giảm nhẹ mới, cần giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo, sửa một phần quyết định của bản án sơ thẩm.

[3] Về án phí: Do sửa án sơ thẩm nên bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

Căn cứ điểm b, khoản 1, Điều 355; Điều 357 - Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 23, Điều 29-Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Không chấp nhận kháng cáo kêu oan của bị cáo Nguyễn Thị T; Sửa một phần quyết định của Bản án hình sự sơ thẩm số 121/2023/HS-ST ngày 22/9/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Ninh, cụ thể như sau:

- Tuyên bố bị cáo Nguyễn Thị T phạm tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản".

- Áp dụng điểm a, khoản 4, Điều 174; điểm g khoản 1 Điều 52; điểm n, khoản 1, Điều 51; Điều 38; Điều 46; Điều 48 Bộ luật hình sự; Điều 584, Điều 585, Điều 589- Bộ luật dân sự: Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị T 14 (mười bốn) năm 06 (sáu) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án.

- Về trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo T phải bồi thường cho anh Trương Sơn H2 số tiền 730.500.000 đồng; bồi thường cho anh Đặng Việt T1 số tiền 1.180.000.000 đồng; bồi thường cho chị Nguyễn Thị L và chị Nguyễn Thị H số tiền 513.000.000 đồng; bồi thường cho chị Nguyễn Thị Phương H1 số tiền 200.000.000 đồng.

2. Về án phí: Bị cáo không phải` chịu án phí hình sự phúc thẩm.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- *VKSNDCC tại Hà Nội;*
- *TAND tỉnh Bắc Ninh;*
- *VKSND tỉnh Bắc Ninh;*
- *Công an tỉnh Bắc Ninh;*
- *Cục THADS tỉnh Bắc Ninh;*
- *Bị cáo T (theo đ/c);*
- *Người tham gia tố tụng khác;*
- *Lưu HS, PHCTP.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Ong Thân Thắng